TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-PT
Ngày: 03 – 4 – 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường;

Ông Hoàng Kim Khánh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang; Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-KDTM ngày 06/02/2022, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2023/QĐ-PT ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 đường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lưu Xuân H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đoàn Hữu M. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Khối B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Tăng Minh N, bà Đặng Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Tăng Thị Tường V, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Ông Tăng Minh N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Hữu M trình bày:

Ngày 31/10/2011, ông Tăng Minh N, bà Đặng Thị L (Hộ kinh doanh Tăng Minh N, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40H8003045) ký hợp đồng tín dụng số KD 879/11/HĐTD ngày 31/10/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số KD 879/11/PLHĐ ngày 28/12/2012 vay của Ngân hàng N – Chi nhánh E – Đắk Lắk (Viết tắt là Ngân hàng) 200.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ ngày 31/10/2012; lãi suất trong hạn 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông N, bà L ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010, có đăng ký giao dịch bảo đảm, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất số K 062919, thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn 8, xã EaĐar, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện K cấp ngày 08/5/1996 mang tên hộ ông Tăng Minh N. Đến nay, ông N, bà L đã trả được cho ngân hàng 62.000.000đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể: ngày 24/12/2019 trả 30.000.000 đồng, ngày 03/12/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 20/12/2020 trả 5.000.000đồng, ngày 04/3/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/6/2021 trả 2.000.000 đồng; ngày 28/6/20222 trả 10.000.000 đồng và ngày 11/5/2022 trả 10.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 13/7/2021, Ngân hàng và ông N, bà L đã lập biên bản làm việc, hai bên thoả thuận gia hạn cho ông N, bà L trả hết tiền nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng vào ngày 31/7/2021. Nhưng quá thời hạn thoả thuận trả nợ trên, ông N, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng 568.511.250 đồng. Trong đó, 138.000.000 đồng nợ gốc, 38.633.33 đồng nợ lãi trong hạn tính từ ngày 01/11/2011 đến ngày 31/10/2012 và 401.877.916 đồng nợ lãi quá hạn tính từ ngày 1/11/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2022 (có bảng kê tính lãi kem theo) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp ông N, bà L không trả được nợ hoặc không trả hết nợ thì đề nghị Toà án giải quyết cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế cấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010 để thu hồi nợ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 15; Điều 158; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 điểm a, b khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L phải trả cho Ngân hàng N tổng 568.511.250đồng, Trong đó, 138.000.000đồng nợ gốc, 38.633.333 đồng nợ lãi trong hạn, 401.877.916đồng nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số KD 879/11/HĐTD ngày 31/10/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số KD 879/11/PLHĐ ngày 28/12/2012 cho đến khi thi hành án xong.

- Ngân hàng N phải trả lại cho ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 062919, thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện K cấp ngày 08/5/1996 mang tên hộ ông Tăng Minh N theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010, sau khi ông N, bà L trả nợ xong.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông N, bà L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số K 062919, thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện K cấp ngày 08/5/1996 mang tên hộ ông Tăng Minh N theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010 theo quy định của luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2022 bị đơn ông Tăng Minh N, bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo; ngày 16/8/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tăng Thị Tường V có đơn kháng cáo và đều cùng yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm theo hướng xin trả dần.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Tăng Minh N không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông N, bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V trong hạn luật định, Toà án cấp sơ thẩm đã tống đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ: Lần 01, ông N, bà L và bà V đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng; lần 2 (bổ sung) nhưng chỉ có ông N nộp tạm ứng án phí phúc thẩm bổ sung 1.700.000 đồng, còn bà L và bà V không nộp tạm ứng xem như từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Do đó, kháng cáo của ông N được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo xin trả nợ dần của ông Tăng Minh N, HĐXX thấy.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Ngày 31/10/2011, hộ kinh doanh ông Tăng Minh N, bà Đặng Thị L ký kết hợp đồng tín dụng số KD 879/11/HĐTD vay của Ngân hàng 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ 31/10/2012, mục đích vay để mua bán cà phê, nước giải khát. Để đảm bảo cho khoản vay, ông N, bà L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1277/10/TC ngày 08/10/2010 với Ngân hàng và phụ lục hợp đồng tín dụng số KD 879/11/PLHĐ ngày 28/12/2012. Trong thời gian vay ông N, bà L đã trả được cho Ngân hàng 62.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Quá hạn trả nợ, nhưng ông N, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn ông N, bà L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2022 là 568.511.250 đồng, Trong đó, 138.000.000 đồng nợ gốc, 38.633.333 đồng nợ lãi trong hạn và 401.877.916 đồng nợ lãi quá hạn và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/7/2022 cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ. Trường hợp ông N, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì thì tài sản thế chấp được xử lý theo quy định của pháp luật để bảo đảm cho việc thi hành án là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin trả dần của bị đơn ông N. HĐXX thấy, yêu cầu xin trả dần của bị đơn ông N không phù hợp với cam kết về thời hạn cho vay, phương thức và ký hạn trả nợ được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số KD 879/11/HĐTD ngày 31/10/2021 mà các bên đã giao kết; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Ngân hàng không đồng ý với kháng cáo xin trả dần của ông N. Do

đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông N mà cần giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Tăng Minh N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do bà Đặng Thị L và bà Tăng Thị Tường V được xem như từ bỏ kháng cáo nên mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên do bà L, ông N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 26.740.450 đồng, nên khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp vào số tiền án phí trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tăng Minh N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 12/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 15; Điều 158; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 điểm a, b khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng N tổng 568.511.250 đồng *(Năm trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*. Trong đó, nợ gốc 138.000.000đồng *(Một trăm ba mươi tám triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn 38.633.333đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn 401.877.916đồng *(Bốn trăm lẻ một triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm mười sáu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số KD 879/11/HĐTD ngày 31/10/2011 và phụ lục

hợp đồng tín dụng số KD 879/11/PLHĐ ngày 28/12/2012 cho đến khi thi hành án xong.

Buộc Ngân hàng N phải trả lại cho ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 062919, thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện K cấp ngày 08/5/1996 mang tên hộ ông Tăng Minh N theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010, sau khi ông N, bà L trả nợ xong.

[2] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông N, bà L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số K 062919, thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện K cấp ngày 08/5/1996 mang tên hộ ông Tăng Minh N theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1277/10/TC ngày 08/10/2010 theo quy định của luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả trả cho Ngân hàng N 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu từ ông N, bà L.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc ông Tăng Minh N và bà Đặng Thị L phải chịu 26.740.450 đồng *(Hai mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N 14.407.000 đồng *(Mười bốn triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005720 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện K.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Buộc ông Tăng Minh N phải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.00 đồng *(Hai triệu đồng)* mà ông Tăng Minh N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020164 ngày 16/8/2022 và biên lai số AA/2021/0020465 ngày 06/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bà Tăng Thị Tường V được hoàn trả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020166 ngày 16/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm bà Đặng Thị L đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020165 ngày 16/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K vào số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bà L phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền